

Số: 173 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 08 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án: “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh”;

Căn cứ Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định tại Tờ trình số 152/TTr-HĐTĐ ngày 07/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022:

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023; đồng thời, lấy kết quả này làm cơ sở để đánh giá năng lực chỉ đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

2. Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình

Phước và Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- LĐVP, PNC;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- Lưu: VT, (T14QĐ). *32*



Trần Tuệ Hiền

Phụ lục 1

**Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 173 /QĐ-UBND
ngày 08 /02/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm 2022	Chỉ số CCHC (%)	Xếp loại
1	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	79.00	19.24	98.24	98.24	Tốt
2	Sở Thông tin và Truyền thông	76.98	20.64	97.62	97.62	Tốt
3	Sở Giao thông vận tải	76.5	21.00	97.50	97.50	Tốt
4	Sở Công Thương	77.00	20.43	97.43	97.43	Tốt
5	Sở Xây dựng	76.50	20.89	97.39	97.39	Tốt
6	Sở Ngoại vụ	76.50	20.76	97.26	97.26	Tốt
7	Văn phòng UBND tỉnh	77.97	17.87	95.84	95.84	Tốt
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	74.75	20.18	94.93	94.93	Tốt
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	75.73	17.67	93.40	93.40	Tốt
10	Sở Nội vụ	73.99	19.07	93.06	93.06	Tốt
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	73.74	19.02	92.75	92.75	Tốt
12	Ban Dân tộc	74.16	18.4	92.56	92.56	Tốt
13	Sở Tư pháp	71.75	19.59	91.34	91.34	Tốt
14	Thanh tra tỉnh	72.75	17.65	90.4	90.40	Tốt
15	Sở Tài chính	72.32	17.79	90.11	90.11	Tốt
16	Ban Quản lý Khu kinh tế	72.00	17.88	89.88	89.88	Khá
17	Sở Khoa học và Công nghệ	72.25	15.60	87.85	87.85	Khá
18	Sở Nông nghiệp và PTNT	66.73	19.27	86.00	86.00	Khá
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	67.71	17.56	85.28	85.28	Khá
20	Sở Y tế	64.50	16.95	81.45	81.45	Khá

Phụ lục 2

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
của UBND các huyện, thị xã, thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~173~~ /QĐ-UBND
ngày 08 / ~~QL~~ /2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm thẩm định	Điểm ĐTXHH	Tổng điểm	Chỉ số CCHC (%)	Xếp loại
1	Thành phố Đồng Xoài	73.19	22.85	96.04	96.04	Tốt
2	Huyện Lộc Ninh	73.97	21.56	95.53	95.53	Tốt
3	Huyện Phú Riềng	72.45	22.63	95.08	95.08	Tốt
4	Thị xã Bình Long	73.71	20.75	94.46	94.46	Tốt
5	Huyện Đồng Phú	72.21	21.71	93.91	93.91	Tốt
6	Huyện Bù Đốp	71.45	20.79	92.24	92.24	Tốt
7	Huyện Bù Đăng	71.96	20.03	91.99	91.99	Tốt
8	Huyện Chơn Thành	69.44	20.63	90.07	90.07	Tốt
9	Thị xã Phước Long	70.96	18.99	89.95	89.95	Khá
10	Huyện Hớn Quản	68.31	20.68	88.99	88.99	Khá
11	Huyện Bù Gia Mập	67.00	21.91	88.91	88.91	Khá